

Tu Mơ Rông, ngày tháng năm 2025

PHƯƠNG ÁN
Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026
trên địa bàn xã Tu Mơ Rông

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về dự toán thu chi, ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

UBND xã xây dựng Phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn xã Tu Mơ Rông trình HĐND xã Tu Mơ Rông Khóa XIV, kỳ họp thứ 2 xem xét, phê chuẩn cụ thể như sau:

I. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 TỈNH GIAO

1. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2026 tỉnh giao: 118.130 triệu đồng. Trong đó:

1.1 Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 17.757 triệu đồng. Cụ thể:

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã: 25.425 triệu đồng. Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 17.757 triệu đồng.

1.2 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 100.373 triệu đồng. Trong đó:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 92.905 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 7.468 triệu đồng.

2. Dự toán chi ngân sách địa phương tỉnh giao: 118.130 triệu đồng, Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 3.170 triệu đồng (*Chi nguồn vốn trong nước 3.000 triệu đồng, chi nguồn thu sử dụng đất 170 triệu đồng*);

- Chi thường xuyên ngân sách địa phương: 105.279 triệu đồng;

- Chi bổ sung có mục tiêu: 7.468 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách địa phương: 2.213 triệu đồng, chiếm tỷ lệ là 2% trên tổng chi cân đối ngân sách theo quy định Luật ngân sách nhà nước.

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

UBND xã xây dựng Phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026, cụ thể như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 dự kiến giao bằng mức tỉnh giao: 118.130 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 dự kiến giao bằng mức tỉnh giao: 118.130 triệu đồng.

2.1. Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư phát triển Chi đầu tư phát triển 3.170 triệu đồng *(Chi nguồn vốn trong nước 3.000 triệu đồng, chi nguồn thu sử dụng đất 170 triệu đồng).*

2.2. Chi thường xuyên ngân sách địa phương: 105.279 triệu đồng.

2.2.1. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

a) Chi sự nghiệp giáo dục - dạy nghề:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng.

- Chi thường xuyên theo định biên *(không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác theo quy định)* phân bổ năm 2026 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục-đào tạo mức chi như sau:

+ Đối với đơn vị trên 30 người, phân bổ 23 triệu đồng/người.

+ Đối với đơn vị dưới 30 người, phân bổ 26 triệu đồng/người.

Phân bổ theo mức trên *(không bao gồm nguồn thu học phí trích lại cho các trường có thu học phí, cấp bù học phí)* để đảm bảo các nhiệm vụ mang tính thường xuyên như: kinh phí hợp đồng theo Nghị định 111/2023/NĐ-CP, hỗ trợ thêm kinh phí trang bị, gia hạn các phần mềm kế toán, kinh phí phần mềm quản lý tiền lương, kinh phí gia hạn phần mềm quản lý tài sản và một số nhiệm vụ chi thường xuyên đặc thù, đột xuất của đơn vị.

- Phân bổ kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục: 10.215 triệu đồng (Trong đó: Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025: 1.826 triệu đồng; Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ: 1.444; Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013: 147 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ: 6.798 triệu đồng).

- Kinh phí chi khác sự nghiệp giáo dục tập trung: 3.500 triệu đồng.

- Kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng Giáo dục - Đào tạo: 282 triệu đồng.

- Phân bổ cho Phòng Văn hóa Xã hội thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, hoạt động của ngành: 150 triệu đồng.

- Dự phòng thực hiện chính sách tiền lương, CCTL trung ngân sách xã: 257,412 triệu đồng.

b) Chi sự nghiệp đào tạo:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng.

- Chi thường xuyên theo định biên (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác*) phân bổ năm 2026 cho đơn vị đào tạo mức chi 25 triệu đồng/biên chế.

- Phân bổ cho công tác mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại Trung tâm Chính trị xã: 400 triệu đồng.

- Ngoài ra còn phân bổ, giao cho đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể theo quy định.

2.2.2. Các lĩnh vực chi thường xuyên khác:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng.

a) Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể, hội:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng.

- Chi thường xuyên theo định biên đối với các đơn vị quản lý hành chính,

đảng, đoàn thể (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác*) phân bổ theo mức chi: 30 triệu đồng/biên chế và phân theo tỷ lệ đặc thù giữa các ngành, số lượng biên chế cụ thể như sau:

+ Đảng ủy; Văn phòng HĐND-UBND xã phân bổ 33 triệu đồng nhân (x) số biên chế nhân (x) tỷ lệ hỗ trợ đặc thù của ngành **1,6 lần** để đảm bảo các nhiệm vụ mang tính thường xuyên như: Kinh phí chi trả hợp đồng theo Nghị định 111/2023/NĐ-CP; Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan; Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm; Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; sửa chữa nhỏ xe ô tô, xăng xe; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị văn phòng...

+ Ủy ban MTTQVN xã phân bổ 33 triệu đồng nhân (x) số biên chế nhân (x) tỷ lệ hỗ trợ đặc thù của ngành **1,2 lần** để đảm bảo các nhiệm vụ mang tính thường xuyên như: Kinh phí chi trả hợp đồng theo Nghị định 111/2023/NĐ-CP; Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan; Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm; Kinh phí trang bị, gia hạn các phần mềm kế toán, Kinh phí phần mềm quản lý tiền lương, Kinh phí gia hạn phần mềm quản lý tài sản và một số nhiệm vụ chi thường xuyên đặc thù, đột xuất của đơn vị...

+ Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa – Xã hội, Trung tâm Phục vụ Hành chính công phân bổ 33 triệu đồng nhân (x) số biên chế (x) tỷ lệ hỗ trợ đặc thù của ngành **1,2 lần** để đảm bảo các nhiệm vụ mang tính thường xuyên như: Kinh phí trang bị, gia hạn các phần mềm kế toán, Kinh phí phần mềm quản lý tiền lương, Kinh phí gia hạn phần mềm quản lý tài sản và một số nhiệm vụ chi thường xuyên đặc thù, đột xuất của đơn vị...

+ Đoàn thể và các tổ chức chính xã phân bổ 33 triệu đồng/đơn vị.

b) Chi sự nghiệp văn hóa:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng.

- Chi thường xuyên theo định biên (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác*) phân bổ năm 2026 cho đơn vị với mức chi 27 triệu đồng/biên chế.

- Phân bổ hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội thi, liên hoan công chiêng,, mua xoang, phục dựng lễ hội truyền thống Xơ Đăng...; Kinh phí tổ chức thi Làn điệu Tingting và nghệ thuật quần chúng của người Xơ Đăng.

- Ngoài ra còn phân bổ, giao cho đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ đặc

thù, đột xuất của ngành, lĩnh vực theo quy định.

c) Chi sự nghiệp thể dục thể thao:

Phân bổ cho Trung tâm cung ứng Dịch vụ công xã: 50 triệu đồng kinh phí tham gia các hoạt động TDTT tổ chức trong năm.

d) Chi sự nghiệp truyền thanh truyền hình:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng.

- Chi thường xuyên theo định biên (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác*) phân bổ năm 2026 cho đơn vị với mức chi 27 triệu đồng/biên chế.

- Ngoài ra còn phân bổ, giao cho đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù, đột xuất của ngành, lĩnh vực theo quy định.

e) Chi sự nghiệp y tế

Phân bổ kinh phí cho Phòng Văn hóa và Xã hội xã thực hiện khai các hoạt động Y tế trên địa bàn xã, với tổng số tiền: 10 triệu đồng.

f) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Phân bổ kinh phí cho Phòng Văn hóa và Xã hội thực hiện với tổng số tiền: 2.702 triệu đồng: Hỗ trợ các chính sách như: kinh phí bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách; kinh phí thực hiện các chính sách ASXH, chi trợ giúp xã hội, mai táng phí,...

g) Chi quốc phòng - An ninh:

Bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng-an ninh năm 2026 với số tiền: 1.041,692 triệu đồng cho các đơn vị thực hiện theo quy định.

h) Chi sự nghiệp kinh tế:

Tổng chi sự nghiệp kinh tế năm 2026: 3.573,326 triệu đồng. Trong đó:

- Bố trí cho bộ máy quản lý, hoạt động đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng. Chi thường xuyên theo định biên (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác*) phân bổ năm 2026 cho đơn vị với mức chi 27 triệu đồng/biên chế.

- Phân bổ cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi cụ thể: Kinh phí thủy lợi phí; Kinh phí phòng chống lũ bão giảm nhẹ thiên tai; Kinh phí tăng cường khuyến nông, khuyến lâm; Kinh phí làm vườn ươm cây cà phê; Kinh phí tiêm

phòng dịch bệnh gia súc, gia cầm, khử trùng tiêu độc,... trên địa bàn xã; Kinh phí trồng hoa, cây xanh phục vụ tết Nguyên đán.... Kinh phí dịch vụ trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè,...; Kinh phí chi dịch vụ chiếu sáng đô thị; Kinh phí hoạt nhà máy nước, xử lý nước sinh hoạt; Kinh phí Tổ xúc tiến đầu tư và Kinh phí kinh doanh; Kinh phí gặp mặt đối thoại DN, HTX, hộ kinh doanh và đánh giá chỉ số DDCI; Kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác kiểm tra chất lượng hàng hóa; Khuyến công; Kinh phí gian hàng trưng bày sản phẩm địa phương, sản phẩm OCOP,...

i) Chi sự nghiệp môi trường và bảo vệ môi trường:

Phân bổ cho các đơn vị thực hiện từ nguồn chi sự nghiệp môi trường năm 2026: 720 triệu đồng, ưu tiên cho các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn xã.

2.2.3. Kinh phí ủy thác để cho vay

Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hộ nghèo, hộ chính sách trên địa bàn xã, với tổng kinh phí: 300 đồng.

2.2.4. Chi khác ngân sách xã

Dành nguồn chi khác ngân sách xã năm 2026: 200 triệu đồng để bố trí cho các nhiệm vụ phát sinh chưa xác định được trong năm 2026 theo quy định.

2.3. Dự phòng ngân sách địa phương: 2.213 triệu đồng, chiếm tỷ lệ là 2% trên tổng chi cân đối ngân sách theo quy định Luật ngân sách nhà nước.

2.4. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách ngân sách tỉnh: 7.468 triệu đồng.

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây là nội dung Phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn xã Tu Mơ Rông; kính trình Hội đồng nhân dân xã Tu Mơ Rông Khóa XIV, kỳ họp thứ 2, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét, phê chuẩn./.
